

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

DU TÂM AN LẠC ĐẠO
SỐ 1965

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1965

DU TÂM AN LẠC ĐẠO

Thích Nguyên Hiếu soạn

Du Tâm An Lạc sơ lược gồm bảy môn:

1. Trình bày nguồn gốc nguyên nhân khởi giáo.
2. Định vị tứ cõi Tịnh độ.
3. Nói về hoạn nạn của nghi hoặc.
4. Hiện bày nhân duyên vãng sinh.
5. Nêu số phẩm vãng sinh.
6. Luận về sự khó dễ của việc vãng sinh.
7. Giải trừ những điều nghi.

I. Trình bày nguồn gốc nguyên nhân khởi giáo:

Tâm tánh chúng sinh dung thông vô ngại, rộng như hư không, sâu tựa biển lớn. Như hư không nên thể của nó bình đẳng không có biệt tướng chỗ tịnh uế, tại sao có sạch dơ? Tựa biển lớn nên tánh của nó nhu nhuyễn có thể tùy duyên mà không trái nghịch, lẽ nào không có lúc động tĩnh! Đó là do sóng khổ, gió trần xô đẩy mà muôn kiếp trôi lăn trong đời ngũ trược, hoặc nương vào thiện căn cắt đứt tứ lưu không còn sinh tử đến bờ giải thoát. Song vắng lặng hoặc động tĩnh đều như mộng, vì khi ngộ rồi không còn có bỉ thử. Tịnh độ, Uế độ do tâm mà có. Niết-bàn, sinh tử chỉ một mà thôi. Bạc Đại giác tích chứa công đức, cho đến hàng phàm phu mê mờ không thể nhanh chóng ngộ được, vì thế Thánh nhân để lại dấu tích gần xa, thiết lập giáo pháp lúc thịnh lúc suy. Như Đức Phật Thích-ca xuất hiện ở cõi Ta-bà, chỉ dạy chúng sinh dứt ác làm thiện. Đức Phật A-di-đà ở nước An dưỡng tiếp dẫn chín loài chúng sinh về cõi ấy v.v... Còn những dấu tích quyền biến khác không

thể trình bày hết được.

Nay nói về cõi Cực lạc: Bởi vì cõi Cực lạc cảm ứng hạnh nguyện sâu dày và hiển bày quả đức lâu dài của chúng sinh. Khi mười tám pháp giới (sáu căn, sáu trần, sáu thức) tròn đầy thanh tịnh thì thoát khỏi tam giới, vượt hẳn ngũ căn, tướng hảo ngang bằng với thiên nhân cõi trời thứ sáu, nhưng không hưởng pháp vị hương thơm để nuôi dưỡng thân tâm. Người nào bị khổ sở đói khát bức bách thì gió thơm mát mẻ thường thổi đến. Ở đây vốn không có phiền toái về đông lạnh, hè nóng, lúc các tiên nhân hội họp thường tắm nước tám công đức ở ao sen. Vì thế họ mãi mãi xa lìa những điều không vừa ý, cùng với bạn bè đi khắp mười phương cõi Phật. Ở đây không còn lo buồn khổ não, lại được nghe pháp, nhập vào vô tướng, thấy hào quang sáng chói của chư Phật, ngộ được vô sinh. Vì ngộ được vô sinh nên sinh bất cứ nơi nào, nhập vào vô hình nên hình biến khắp nơi. Cực lạc, cực tịnh chẳng phải điều mong muốn, độ vô lượng chúng sinh há nói độ hết được sao? Cõi Tịnh độ như vậy được chư Phật mười phương tán thán, khuyến khích Thánh chúng Tam thừa muốn sinh về. Nhưng quan sát kỹ ý Như Lai tán thán khuyến khích là muốn nhiếp hộ hàng trung căn và hạ căn. Thế giới Ta-bà lắm điều xấu xa, vì vậy phần nhiều bị thối lui, không sinh về cõi báu an dưỡng, thuần thiện chỉ tiến không lùi. Luận Khởi Tín ghi rằng: "... lại nữa chúng sinh lúc đầu học pháp này, muốn cầu chánh tín nhưng tâm lại sợ sệt vì đang ở thế giới Ta-bà." Họ sợ không thể gặp chư Phật để gần gũi cúng dường, lại sợ tín tâm khó thành tựu. Người có ý muốn thối lui nên biết, Như Lai có nhiều phương tiện thù thắng để nhiếp hộ tín tâm. Nghĩa là nhờ nhân duyên chuyên niệm Phật, tùy theo nguyện lực vãng sinh về cõi Phật ở mười phương, thường gặp chư Phật, mãi mãi xa lìa ác đạo. Như trong kinh nói: "Người chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương Cực lạc, tu tập thiện căn, hồi hướng công đức, nguyện cầu vãng sinh về thế giới ấy, thường gặp chư Phật, cho nên trọn không thoái chuyển. Nếu quán pháp thân chân thật của Phật, thường chuyên cần tu tập, rốt ráo được sinh chánh định tụ." Tất cả chúng sinh tuy niệm Phật nhưng chưa đạt đến thập giải, nên thể của nó là thoái vị (địa vị thoái chuyển). Nếu ở Uế độ gặp bốn thoái duyên sẽ thoái chuyển, nếu sinh ở Tây phương có đủ bốn duyên thì không còn thoái chuyển.

Bốn duyên là:

1. Tịnh độ do mạng sống dài lâu và không bệnh nên không thoái chuyển, uế độ mạng sống ngắn ngủi, nhiều bệnh nên thoái chuyển.
2. Tịnh độ do chư Phật, Bồ-tát làm Thiện tri thức nên không thoái

chuyển. Như kinh nói: “Được cùng với chư thượng thiện nhân hội họp.” Uế độ do nhiều ác tri thức nên thoái chuyển.

3. Tịnh độ không có người nữ, cảnh giới lục trần đều là duyên tiến đạo nên không thoái chuyển. Như kinh nói: “Mắt thấy sắc liền phát tâm Bồ-đề v.v...”. Uế độ vì có người nữ nên thoái chuyển.

4. Tịnh độ chỉ có thiện tâm nên không thoái chuyển. Như kinh nói: “Không có một mảy may nào làm ác.” Uế độ do ác tâm, vô ký tâm nên thoái chuyển.

Lại trong các kinh đều nói: “Người vãng sinh Cực lạc đều được bất thoái chuyển, chứ không nói người bất thoái chuyển mới được vãng sinh.” Cũng giống như ở thế gian có ba thọ, người sinh về Cực lạc thì không có khổ thọ, xả thọ, chỉ có lạc thọ.

Nói tóm lại: Từ Sơ địa trở lên bị nguyện tự tại, sinh bất cứ nơi nào, cần gì khuyến tu. Thập giải trở lui chủng tánh quyết định, không có bị nguyện, thoái chuyển, cũng chẳng phải là việc chính. Từ Thập giải trở về trước và phàm phu phát tâm chưa vững chắc, nên lên xuống tùy duyên, ghét ược thích tịnh. Cho nên Phật khuyến tu nhiếp sự trường thọ của cõi Tây phương, suốt đời tu hành, chúng được Thập địa. Cõi Ta-bà mạng sống ngắn ngủi, nhiều kiếp cần khổ khó nhọc vẫn còn thoái chuyển. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Một kiếp ở thế giới Ta-bà bằng một ngày một đêm ở thế giới Cực lạc. Như thế cho đến trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới, một kiếp của thế giới sau cùng bằng một ngày một đêm ở cõi Như Lai hiện thủ thế giới Liên hoa thù thắng. Nguồn gốc nguyên nhân khởi giáo tán lược trình bày như vậy.”

II. Xác định vị trí cõi Tịnh độ:

Cõi Phật viên dung vốn không có Đông, Tây nhưng tùy theo căn cơ chúng sinh mới hiện ra đây, kia. Vì thế chúng ta thử bàn luận vị trí của Tịnh độ. Nhất thừa và Tam thừa có sự phân chia khác nhau. Theo Nhất thừa Tịnh độ Cực lạc thuộc về Hoa tạng thế giới hải. Vì sao? Vì quốc độ chư Phật mười phương viên dung bất khả thuyết, nên ngài Phổ Hiền thấy không có sự phân chia. Theo Tam thừa Tịnh độ Cực lạc thông thương chia thành bốn độ:

- Pháp tánh độ.
- Thật báo độ.
- Thọ dụng độ.
- Biến hóa độ.

Trong Pháp tánh độ và Thật báo độ chỉ thuần một vị lạc bình

đẳng, biến khắp pháp giới, chẳng thể đo lường được. Thọ dụng độ và Biến hóa độ đáp ứng lại hạnh nguyện chúng sinh, cứu vớt chúng sinh, tùy theo căn cơ và nguyện vọng của họ, chỉ cho họ nơi có thể được như ý nguyện. Kinh Tiểu Vô Lượng Thọ nói: “Từ đây đi về phương Tây qua mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới gọi là Cực lạc”. Nay đem “Tịnh” và “Bất tịnh” của thế giới đó và thế giới này, lược thành bốn đối, để hiển bày thứ tự của nó. Bốn đối là:

- Nhân và quả đối nhau.
- Một hướng và bất một hướng đối nhau.
- Thuần và tạp đối nhau.
- Chánh định và phi chánh định đối nhau.

1. Nhân và quả đối nhau.

Chỗ ở của Bồ-tát chứng Kim cang Tam-muội trở xuống gọi là quả báo độ không gọi là Tịnh độ. Vì chưa lìa quả hoạn của khổ đế. Cho nên chỉ có thể chỗ của Phật mới gọi là Tịnh độ, vì tất cả những tạp nhiễm hoạn nạn vô dư đều tiêu diệt, theo nghĩa này, kinh Nhân Vương nói: “Tam thừa Thập Thánh ở quả báo độ chỉ có Phật ở Tịnh độ. Tất cả chúng sinh đều ở quả báo độ, đến chứng Kim cang Tam-muội rồi mới đến Tịnh độ.”

2. Một hướng và bất một hướng đối nhau.

Trụ xứ của Bồ-tát từ Bát địa trở lên gọi là Tịnh độ. Vì một hướng xa khỏi việc của Tam giới, nếu đầy đủ bốn câu nghĩa một hướng. Từ Thất địa trở xuống, tất cả trụ xứ chưa được gọi là Tịnh độ, vì chẳng phải một hướng ra khỏi Tam giới hoặc nương nguyện lực mà ra khỏi tam giới... và bốn câu nghĩa một hướng chưa đầy đủ. Bốn câu một hướng là: Một hướng lạc, một hướng tịnh, một hướng không có tai họa, một hướng tự tại.

Thất địa trở xuống khi quán chiếu, có lúc sinh khởi tâm vô ký, có lúc Mạt-na, bốn hoặc hiện hành nên chẳng phải một hướng tịnh, chẳng phải một hướng không có tai họa. Bát địa trở lên thì không như vậy, theo nghĩa này luận Nhiếp Đại thừa ghi: “Xuất xuất thế hiện pháp công năng đã sinh.”

Giải thích: Hàng nhị thừa gọi là xuất thế. Từ bát địa trở lên cho đến cõi Phật gọi là xuất xuất thế. Pháp xuất thế đối trị pháp thế gian, pháp xuất xuất thế đối trị pháp xuất thế. Công năng lấy bốn duyên làm tướng, từ công năng thiện pháp xuất xuất thế sinh khởi Tịnh độ. Cho nên không lấy Tập đế làm nhân.

3. Thuần và tạp đối nhau.

Chỗ tạp cư của phàm phu, nhị thừa, không được gọi là thế giới Thanh tịnh. Chỉ có nhập vào đại địa, nơi trụ xứ của Bồ-tát mới được gọi là Thế giới thanh tịnh. Thế giới Ta-bà chẳng phải thuần tịnh. Thế giới Cực lạc là thuần tịnh. Theo nghĩa này, luận Du-già ghi: “Vô lượng thế giới, chỉ có hai loại thanh tịnh và không thanh tịnh. Trong thế giới thanh tịnh không có Na-lặc-ca (Địa ngục), bàng sinh, ngạ quỷ, cũng chẳng có dục giới, sắc giới, vô sắc giới, chỉ có chúng Bồ-tát gọi là thế giới thanh tịnh. Đã nhập vào địa thứ ba, Bồ-tát do nguyện lực nên thọ sinh ở đó, không có dị sinh và phi dị sinh. Hàng Thanh văn, Độc giác, hoặc Bồ-tát dị sinh được sinh ở thế giới thanh tịnh.

Giải thích: Địa thứ ba ở đây là Hoan hỷ địa, nói theo bảy loại môn địa vì tịnh thắng ý lạc địa thứ ba, nên nó thuộc về trụ mười ba. Lập bảy loại địa đều như đã nói ở luận Du-già.

4. Chánh định và phi chánh định đối nhau.

Nơi Tam tụ chúng sinh khổ cùng sinh sống là uế độ, chỉ có nơi chánh định tụ gọi là Tịnh độ. Ở trong đó cũng có Tứ quả Thanh văn cho đến tứ nghi phàm phu, chỉ không có Tà định tụ và Bất định tụ.

Nói về Chánh định tụ: Nói chung, chúng sinh giới lược có Tam tụ. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Có chúng sinh, sinh ở cõi kia, hết thấy đều trụ ở Chánh định tụ. Vì sao? Vì trong cõi Phật kia không có Tà định tụ và Bất định tụ.” Hình tướng ba tụ này thế nào? Nói chung người phạm nhất xiển đề là Tà định tụ. Hàng Nhị thừa Đảnh vị trở lên và Bồ-tát sơ phát tâm trở lên gọi là Chánh định tụ. Nếu đã hưởng vào nhưng chưa đến địa vị ấy gọi là Bất định tụ. Quyết định không thoái chuyển, không đoạn thiện căn, như vậy là nghĩa của Chánh định tụ. Theo luận Du-già Chánh định tụ có hai loại: Bốn tánh chánh định và tập thành chánh định.

Trong năm loại tánh, người có chủng tánh Bồ-tát không gây tạo ngũ nghịch và đoạn thiện căn, nên gọi là bốn sinh chính định tụ. Tánh Nhị thừa và tánh bất định tạo tội ngũ nghịch và đoạn thiện căn... lúc đoạn thiện căn gọi là Tà định tụ, người kia hoàn phục thiện căn, sau đó khi chưa hưởng đến gọi là Bất định tụ. Khi đã hưởng đến thì có ba phẩm. Ban đầu hàng thượng căn hưởng vào đại thừa tức là thực hành chánh định. Hàng trung căn đến Noãn hạ căn vào Đảnh vị, mỗi mỗi đều thực hành chánh định. Ngoài ra tất cả đều thuộc bất định.

Nếu là người chủng tánh bất định thì hưởng thẳng vào Đại thừa và hưởng đến tu hành tín tâm. Trải qua một vạn kiếp tín tâm thành tựu mới được chánh định, như trong luận Khởi Tín đã nói về nghĩa này. Nói theo Tập thành chánh định tụ, nếu ban đầu chủng tánh Bồ-tát thì hưởng

thẳng đến Đại thừa mà thú nhập, thì khi vốn là hưởng vào đã vĩnh viễn được bất thoái chuyển, không do nghiệp lực, đọa vào ba đường ác. Theo ở đây mà nói thì nhập vào địa vị Thập tín liền được bất thoái chuyển, không giống như người bất định tánh đã nói ở trước. Các cách nói như thế đều căn cứ ở Uế độ. Nếu căn cứ được sinh về Tịnh độ thì hàng định tánh Nhị thừa không được vãng sinh, từ vô dư sau đó có thể vãng sinh. Ba loại người trong bất định chủng tánh đều phát tâm Bồ-đề, đều được sinh về Tịnh độ. Lúc sinh ở cõi kia liền nhập vào chánh định vì nhờ ngoại duyên lực giữ gìn được. Cho nên nghĩa Tam tụ chúng sinh phân biệt sơ lược qua như vậy. Nay kinh này nói: “Nước Vô lượng thọ ở môn thứ tư nói là Tịnh độ”. Điều đó dĩ nhiên là muốn dung hòa Đại thừa và Tiểu thừa. Đồng thời dẫn dắt Phạm Thánh sinh về nơi tốt đẹp, cùng đến đại đạo. Cho nên như văn sau nói: “Giả sử tôi được làm Phật, nhân dân trong nước tôi, không trụ định tụ nhất định đến diệt độ, thì tôi không giữ ngôi vị chánh giác. Lại nói: Giả sử tôi được làm Phật, Thanh văn trong cõi đó, có thể đo lường biết số ấy, thì tôi không giữ ngôi vị chánh giác, cho đến nói rộng thuyết.” Cho nên nói rằng: “Người nữ, người thiếu căn và chủng tánh nhị thừa không vãng sinh là nói hạng chủng tánh quyết định nhị thừa chưa nhập vô dư, chưa phát tâm rộng lớn, nên không thể gọi Thanh văn bất định căn tánh còn tánh Thú tịch (nhị thừa hưởng Niết bàn) và sau khi ra khỏi vô dư Niết bàn, thì giản lược nói chung đều là chủng tánh Nhị thừa. Do đạo lý này không trái với nhau vậy.

Lại nói người nữ và người thiếu căn, khi sinh về Tịnh độ, chẳng phải người nữ, chẳng phải người thiếu căn. Chẳng phải người nữ v.v... không được vãng sinh, như bà Vi-đề-hy được vãng sinh. Vì vậy kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni nói: “Cha Đức Phật A-di-đà tên là Nguyệt Thượng Chuyển Luân Thánh vương, mẹ là Thù Thắng Diệu Nhan, cho đến nói rộng. Hoặc nói chỗ ở của hóa Phật là hóa độ. Luận nói: là Thọ dụng độ hoặc nói là phụ mẫu pháp môn. Như ngài Duy-ma-cật nói nhờ lý này nên không trái nhau. Bốn môn trước nói Tịnh độ đều là hạnh nguyện đã hoàn thành của Như Lai. Chẳng phải do tự lực của người sinh về cõi đó (Tịnh độ) làm ra và không như uế độ. Mỗi thế giới chỉ do quả khổ của chúng sinh tạo thành, cho nên gọi chung là Thanh Tịnh độ.

III. Nói về hoạn nạn của nghi hoặc:

Trước nói cảnh nghi hoặc, thứ nói nhau trị tưởng nghi hoặc, sau nói sự hơn kém của việc hóa thai sinh về Cực lạc.

- Cảnh nghi hoặc:

Như văn sau nói: Nếu có chúng sinh, tâm nghi hoặc mà tu tập các công đức, nguyện sinh về Cực lạc, không hiểu rõ Phật trí, Bất tư nghì trí, Bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, đối với các trí này nghi hoặc không tin, nhưng còn tin tội phước, tu tập thiện căn, nguyện sinh về Cực lạc thì các chúng sinh này được sinh về cung điện của nước đó, trong năm trăm năm không nghe tên Tam bảo, nên nói biên địa.

Phật trí là nêu chung bốn trí sau đây:

1. *Bất tư nghì trí*: Là Thành sở tác trí, trí này có thể làm những việc không thể nghĩ bàn. Giống như thân người cao không quá trượng sáu mà ta không thể thấy đỉnh đầu, tướng không tăng thêm tí nào mà biến khắp mười phương thế giới. Một niệm xưng danh hiệu Phật vĩnh viễn dứt trừ tội nặng trong nhiều kiếp. Mười niệm niệm đức có thể sinh quả báo thù thắng ngoài pháp giới. Những việc như thế không thể nghĩ bàn nên gọi là Bất tư nghì trí.

2. *Bất khả xưng trí*: Là Diệu quan sát trí, trí này quan sát cảnh giới không thể tính kể. Nghĩa là tất cả pháp như huyễn, như mộng, phi hữu, phi vô, lìa ngôn ngữ, bất suy nghĩ, không thể dựa vào ngôn ngữ có thể tính kể được, nên gọi là Bất khả xưng trí.

3. *Đại thừa quảng trí*: Là Bình đẳng tánh trí, trí này độ khắp chúng sinh. Không giống như Tiểu thừa cho là đường lối vô ngã cho nên gọi là vô bất ngã. Vì vô bất ngã nên thuộc về bình đẳng. Thể của trí này giống nhau, độ khắp vô lượng vô biên chúng hữu tình, khiến cho cùng đến vô thượng Bồ-đề. Cho nên gọi là Đại thừa quảng trí.

4. *Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí*: Là Như Lai đại viên cảnh trí, bắt đầu chuyển bốn thức trở về nguồn tâm. Tất cả các cảnh không gì không chiếu rõ, nên gọi là Đại viên cảnh trí. Trí này có năm việc thù thắng như Giải thoát thân. Nhị thừa cùng đắc cảnh trí này chính là pháp thân, chẳng phải là đại viên cảnh trí nên gọi là vô đẳng. Đây là thù thắng thứ nhất. Như ba trí trước, Bồ-tát dần dần đắc Đại viên cảnh trí. Chỉ có Phật chứng ngộ, không còn luân hồi trong các loài khác nên gọi là Vô luân. Đây là thù thắng thứ hai. Vượt qua Bất khả tư nghì tức là “Tối” (nhất), vượt qua bất khả xưng trí là “Thượng” (cao), vượt qua Đại thừa trí là “Thắng”. Đây là Thù thắng thứ ba, thứ tư và thứ năm. Cho nên gọi là Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đây là để hiển bày cảnh mê của bốn nghi.

- Tướng đối trị nghi hoặc: Như có một tánh không ngay thẳng, ngã mạn làm mòn đạo tâm. Người không hiểu tứ trí, khởi tứ nghi.

1. *Nghi các việc làm của Thành sở tác trí:* Nghe kinh nói mười câu niệm Phật được sinh về Cực lạc. Người không hiểu sinh nghi ngờ nói: “Như kinh Phật dạy: Nghiệp đạo thiện ác tội phước không mất, quả báo không sai.” Vì sao một đời làm ác, chỉ mười tiếng niệm Phật có thể diệt trừ các tội, được sinh Cực lạc, nhập vào chánh định tụ, vĩnh viễn xa lìa ba đường ác, rốt ráo không thoái chuyển? Lại nữa, từ xưa đến nay, chúng ta gây ra biết bao phiền não thuộc tam giới, trói buộc lẫn nhau. Tại sao chưa đoạn nhị luân phiền não, chỉ mười tiếng niệm Phật lại ra khỏi Tam giới? Để đối trị cái nghi suy nghĩ không đúng này, nên gọi là Bất tư nghi trí. Muốn hiển bày trí Phật phải có năng lực lớn, có thể lấy gân làm thành xa, xa làm thành gân, nặng thành nhẹ, nhẹ thành nặng. Thật có nhiều việc như thế mà chẳng phải cánh giới có thể đo lường được. Vì vậy nên kính tin lời kinh dạy, không được suy nghĩ theo ý thức kém cõi tự thân. Nếu muốn sinh tín tâm nên dựa vào tình huống này. Ví như ngàn năm chất củi cao trăm dặm, chỉ một đốm lửa nhỏ, đốt một ngày đều tiêu tan, có thể nói tại sao củi chất ngàn năm mà một ngày lại cháy sạch không? Lại như người què chân, đi nhiều ngày mới được một do-tuần. Nếu nhờ thuyền người khác, lại nhờ gió mạnh, trong một ngày có thể đi đến ngàn dặm, có thể nói tại sao người què chân đi một ngày được ngàn dặm không? Sức mạnh của người chèo thuyền ở thế gian còn làm những việc không thể ngờ như vậy, huống gì là sức mạnh của Như Lai pháp vương mà không thể làm được việc không thể đo lường? Đây là đối trị nghi thứ nhất.

2. *Nghi cảnh giới của Diệu quan sát trí:* Như nghe trong kinh khen ngợi Phật trí rằng: “Phật trí quan sát các pháp phi hữu, phi vô, xa lìa nhị biên, không chấp trước trung đạo.” Do người không hiểu rõ sinh nghi nói: “Như hiện tại thấy tính kể như: vật nặng thì chìm, vật nhẹ thì nổi. Nếu nói nhẹ không nổi, nặng không chìm, nói như thế có lời mà không có nghĩa. Nguyên nhân sinh ra các pháp cũng như vậy, nếu chẳng phải không thì rơi vào có, nếu chẳng phải có thì rơi vào không. Nếu nói chẳng phải không mà không rơi vào có, nếu chẳng phải có mà không rơi vào không thì cũng giống như nói nặng không chìm, nhẹ không nổi. Nên biết như vậy là có lời nói mà không có thật.” Tính kể như vậy thì rơi vào các biên như: Hoặc chấp y tha thực có, rơi vào Tăng ích biên, hoặc chấp duyên sinh không vô, rơi vào Tổn giảm biên, hoặc chấp tục hữu chân không và dựa vào hai biên trên rơi vào Tương vi luận, hoặc chấp phi hữu, phi vô, chấp nhất trung biên rơi vào ngu si luận. Thích Luận nói rằng: “Phi hữu phi vô là ngu si luận.” Để đối trị những chấp

trước sai lầm về tính kể này nên an lập Bất khả xưng trí. Muốn hiển bày sự thâm diệu của các pháp phải lìa ngôn ngữ, bất suy nghĩ, không nghĩ suy tính kể, theo lời chấp nghĩa luận Du Già ghi: “Thế nào là pháp thậm thâm khó gặp?” Nghĩa là tất cả pháp, vì sao gọi là pháp thậm thâm đệ nhất khó gặp? Vì điều gọi là tự tính của các pháp thì không còn hý luận, vượt qua lời nói nhưng cũng nhờ lời nói là y, chánh nên nói có thể giữ gìn, quan sát, giác ngộ. Cho nên các pháp thậm thâm khó gặp là để đối trị nghi thứ hai.

3. Nghi độ khắp chúng sinh của Bình đẳng tánh trí.

Như trong kinh nói: “Tất cả chúng sinh đều có tâm, phàm tất cả người có tâm sẽ đắc Bồ-đề.” Do người không hiểu sinh nghi nói: “Nếu chúng sinh đều có Phật tánh thì sẽ độ tất cả hữu tình chứng Vô thượng Bồ-đề. Như vậy chúng sinh tuy nhiều nhưng sẽ có ngày cùng tận, vậy thì Đức Phật sau cùng không có công đức lợi tha vì không có việc hóa độ, rốt ráo không thành Phật.” Công đức chưa đủ nên không hóa độ, có công đức nhưng không thích hợp với đạo lý, hoặc thiếu công đức mà thành Phật lý này không đúng. Dùng tà chấp này hủy báng Đại thừa, không tin có thể độ khắp chúng sinh. Để đối trị cái nghi hẹp hòi này nên an lập Đại thừa quảng trí. Muốn trình bày Phật trí khó mà chuyên chở được, chuyên chở tất cả chúng sinh đều nhập vào vô dư (Niết-bàn) nên gọi là Đại thừa. Đại thừa chuyên chở vô lượng vô biên nên gọi là quảng trí. Sở dĩ hư không vô biên nên chúng sinh vô lượng, ba đời không tận nên sinh tử vô thủy vô chung. Nếu nói chư Phật bắt đầu thành tựu thì trước khi chưa có Phật tức không có Thánh giáo. Không có Thánh giáo không huân tập được những điều nghe biết, không huân tập điều nghe biết mà thành Phật thì không có nhân lại có quả, chỉ có lời nói mà không có thật. Vì lý này nên nói chư Phật vô thủy. Tuy thật là vô thủy nhưng không có Phật nào vốn không phải là chúng sinh, tuy là gốc chúng sinh nhưng dần dà thay đổi từ vô thỉ. Do đây biết rằng chúng sinh vô chung. Tuy thật vô chung nhưng không một người nào sau này không thành Phật. Tuy tất cả sau này đều thành Phật nhưng triển chuyển vô chung. Cho nên tin Bình đẳng tánh trí độ khắp chúng sinh, không giới hạn. Ở đây an lập Đại thừa quảng trí là để đối trị nghi thứ ba.

4. Nghi Đại viên cảnh trí chiếu khắp tất cả cảnh giới.

Vì sao sinh nghi? Vì cho rằng: Hư không vô biên nên thế giới cũng vô biên, thế giới vô biên nên chúng sinh cũng vô biên. Chúng sinh vô biên nên tâm hành sai biệt. Căn dục, tánh v.v... đều vô biên nên tâm hành, căn sai biệt dục tánh... đều vô biên, tại sao ở đây có thể biết?

Hoặc là tu tập dần dần có thể biết, hoặc là không tu bỗng nhiên đốn chiếu. Nếu không tu tập mà đốn chiếu thì tất cả phàm phu sẽ đốn chiếu như nhau. Chúng sinh không tu nên không có nhân khác nhau. Nếu chúng ta tu tập dần dần sẽ được biết hết, vì tất cả cảnh giới không phải là không có giới hạn. Không có giới hạn mà có cùng tận, lý này không đúng. Cho nên tiến lùi như thế đều không thể thành lập. Vì sao chiếu khắp tất cả gọi là Nhất-thiết-chủng-trí? Để đối trị nạn nghi lưỡng quan (hai bên) này nên lập Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Muốn hiểu rõ Đại viên cảnh trí này, phải vượt qua ba trí trước và không cùng loại. Ngoài nhị đế chỉ còn vô nhị, biểu hiện của lưỡng quan vượt qua tất cả không còn liên quan đến một cái gì cả, chỉ nên kính tin. Ni không thể so lưỡng nên gọi là tối thượng thắng trí. Tại sao ở đây phải khởi tâm kính tin? Thí như thế giới vô biên nhưng không ra khỏi ngoài hư không, vạn cảnh vô hạn như vậy nhưng đều nhập vào một tâm. Trí Phật là tướng quay về tâm. Trí và tâm giống nhau vì thể giác tức là bốn giác nên không có vạn cảnh ở ngoài trí. Do lý này, không có cảnh nào không tận mà chẳng phải có giới hạn, vì trí vô biên nên chiếu cảnh vô biên. Luận Khởi Tín ghi: “Tất cả cảnh giới vốn từ một tâm là nhờ nghĩ. Vì chúng sinh nhìn cảnh giới không thật nên tâm có sự phân chia. Vọng khởi nhớ nghĩ không gọi là pháp tánh nên không thể phán xét được. Chư Phật Như Lai là tướng thấy nên biến khắp tất cả. Tâm chân thật là tự tánh của các pháp, chiếu rõ tất cả các vọng pháp. Người có đại trí dùng vô lượng phương tiện, tùy chỗ mong muốn của chúng sinh sẽ được giải bày, có thể khai thị tất cả nghĩa của pháp, cho nên gọi là Nhất-thiết-chủng-trí hay là Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Không có chỗ thấy nên không có chỗ không thấy như vậy là đối trị nghi thứ tư. Đã không hiểu ý, theo lời chấp nghĩa, hữu biên, vô biên đều không xa lìa mà còn nương vào môn phi hữu biên, giả thuyết nghĩa vô biên, nếu người nào không phán quyết tứ nghi này, tuy sinh ở Cực lạc nhưng ở biên địa. Nếu có người tuy chưa hiểu rõ như trước đã nói, đối với cảnh giới của Tứ trí mà có tâm cung kính, tuy chưa khai mở tâm nhãn mà tôn sùng Như Lai, một lòng tin phục. Những người như thế, tùy theo phẩm hạnh của mình vãng sinh về cõi kia không ở biên địa. Sinh ở biên địa là một loại riêng chẳng phải thuộc cửu phẩm (chín loại) vì thế không nên vọng sinh nghi hoặc.

- Trình bày sự hơn kém của việc hóa thai sinh ở cõi Cực lạc. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Lúc bấy giờ Phật bảo ngài A-nan và Bồ-tát Từ Thị, các ông thấy nước kia, từ đất trở lên đến Tịnh cư thiên, trong đó tất cả những vật vi diệu nghiêm trang tự nhiên có thấy hết không?”

Ngài A-nan bạch Phật:

- Vâng, bạch Đức Thế Tôn con đã thấy.

Các ông nghe âm thanh của vô lượng chư Phật tuyên bày sự biến hóa của chúng sinh trong tất cả thế giới không?

- Vâng, bạch Đức Thế Tôn con đã nghe!

Nhân dân nước kia mang trăm ngàn do-tuần thất bảo, cung điện, không bị chướng ngại, đi khắp mười phương cúng dường chư Phật ông có thấy không?

- Vâng, bạch đức Thế Tôn con đã thấy!

Nhân dân nước kia có thai sinh ông thấy không?

- Vâng, bạch Đức Thế Tôn con đã thấy!

Trong đó, người thai sinh ở cung điện một trăm do-tuần hoặc cung điện năm trăm do-tuần. Mỗi mỗi ở trong đó thọ hưởng các khoái lạc như ở trời Đao lợi cũng đều tự nhiên.

Lúc ấy, Bồ-tát Từ Thị bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn vì nhân duyên gì, nhân dân ở nước kia có thai sinh, hóa sinh?”

Phật bảo Bồ-tát Từ Thị rằng: “Nếu có chúng sinh vì tâm nghi hoặc, tu các công đức, nguyện sinh về cõi ấy, không hiểu rõ Phật trí, Bất tư nghì trí, Bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, đối với các trí này nghi hoặc không tin, nhưng còn tin tội phước, tu tập thiện căn, nguyện sinh về nước ấy. Những chúng sinh này, sinh vào cung điện nước kia, thọ năm trăm tuổi, thường không thấy Phật, không nghe kinh pháp, không thấy Bồ-tát, Thanh văn, Thánh chúng, cho nên ở nước kia gọi đó là thai sinh. Nếu có chúng sinh tin Phật trí cho đến thắng trí, tu tập công đức, hồi hướng công đức trang nghiêm Tịnh độ. Những chúng sinh này ở trong hoa sen bảy báu, tự nhiên hóa sinh ngồi kiết già. Trong chốc lát thân tướng sáng chói, trí tuệ, công đức bằng các vị Bồ-tát, thành tựu đầy đủ... Lại nữa, Từ Thị chư đại Bồ-tát trong cõi Phật ở phương khác, phát tâm muốn thấy Vô lượng thọ Phật, cung kính cúng dường Phật và chúng Thanh văn Bồ-tát. Những Bồ-tát ấy mạng chung được sinh về nước Vô lượng thọ, ở trong hoa sen bảy báu tự nhiên hóa sinh. Di-lặc nên biết! Những người hóa sinh kia có trí tuệ thù thắng. Những người thai sinh đều không có trí tuệ, trong năm trăm năm thường không thấy Phật, không nghe pháp, không gặp Tăng. Do không cúng dường Phật, không biết phép tắc của Bồ-tát, không tu tập công đức, nên biết người này đời trước không có trí tuệ, lại quá mê hoặc.

Phật bảo ngài Di-lặc: Ví như Chuyển luân Thánh vương có lao

ngục bảy báu, nhiều thứ trang nghiêm, sắp đặt giường màn, treo cờ ngũ sắc. Nếu có các tiểu vương tử phạm tội với Vua, sẽ bị giam vào trong cung ấy, trói bằng xích vàng, có người cung cấp thức ăn, quần áo, giường chiếu, hoa hương, kỹ nhạc giống chuyển luân vương, không có gì thiếu thốn. Ý ông nghĩ sao? Các thiên tử này có thích chỗ ấy không?

Ngài Di-lặc đáp: Thưa không. Chỉ dùng đủ thứ phương tiện cầu có sức mạnh lớn để tự mình thoát khỏi. Đức Phật bảo Di-lặc: “Các chúng sinh này cũng như vậy, vì nghi hoặc Phật trí, nên sinh ở cung điện thái sinh bảy báu kia, không có hình phạt cho đến một niệm ác, nhưng ở đó năm trăm năm không được gặp Tam bảo, không được cúng dường, tu tập các thiện căn. Vì ở đây là khổ, tuy có vui còn không thích ở đó. Nếu chúng sinh này biết tội của mình, tự mình hối trách, mong lìa xa chỗ này, thì họ sẽ được như ý nguyện, vãng sinh về cõi Phật Vô lượng thọ, cung kính cúng dường, cũng được biến khắp vô lượng vô số chỗ Phật khác mà tu tập các công đức. Di-lặc, ông nên biết Bồ-tát sinh nghi hoặc thì mất lợi lớn. Cho nên phải biết tin trí tuệ vô thượng của chư Phật.” Lời nói chân thật của Như Lai không giống những nghi ngờ ấy. Nghi ngờ sau có hối cải cũng khó được, có thể không thận trọng ư?

IV. Trình bày nhân duyên vãng sinh:

Những nhân duyên nói về vãng sinh, nếu không cảm ứng được chánh báo trang nghiêm cũng được cảm ứng y báo Tịnh độ, nhưng theo bốn nguyện của Như Lai, tùy theo cảm ứng thọ dụng, chẳng phải từ lực nghiệp nhân tự thân tạo thành, cho nên gọi là nhân vãng sinh. Bàn về tướng của nhân này trong kinh luận không giống nhau. Theo Quán Vô Lượng thọ kinh nói mười sáu phép quán, trong luận Vãng sinh nói năm môn hạnh. Nay theo kinh Vô lượng thọ này nói: “Có nhân của ba hạng (bậc), trong bậc thượng có năm câu:

1. Bỏ nhà cửa, xa lìa ham muốn làm bậc sa môn. Đây là hiển bày phương tiện phát khởi chánh nhân.
2. Phát tâm Bồ-đề là nói về chánh nhân.
3. Chuyên niệm Phật A-di-đà là nói về tu quán.
4. Tạo các công đức là nói phát khởi hành . Quán và hành ở đây tức là nghiệp trợ giúp.
5. Nguyện sinh về Cực lạc, câu này là nguyện, còn bốn câu trước là hành, hòa hợp hai thứ mới được vãng sinh.

- Trong bậc trung có bốn câu:

1. Tuy không thể làm sa môn, nhưng phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Đây là nói về chánh nhân.

2. Chuyên niệm Phật A-di-đà.

3. Ít nhiều tu tập thiện căn. Quán và hạnh này là nghiệp trợ giúp đầy đủ.

4. Nguyện sinh về Cực lạc, hành trước và nguyện này hòa hợp tức là nhân.

- Trong bậc hạ có hai hạng người, trong hai hạng người này mỗi hạng có ba câu. Ba câu của hạng người thứ nhất:

1. Giả sử không thể tạo được các công đức, nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đây là nói chánh nhân.

2. Cho đến mười niệm, chuyên niệm Phật A-di-đà. Đây là nghiệp trợ giúp.

3. Nguyện sinh về Cực lạc, nguyện này và hành trước hòa hợp là nhân.

Đây là nói về người Bất định chủng tính.

Ba câu của hạng người thứ hai:

1. Nghe pháp thâm sâu, vui mừng kính tin ưa thích. Câu này kiêm hiển bày chánh nhân phát tâm, nhưng khác với người trước vì đã có niềm tin vững chắc.

2. Cho đến một niệm, niệm Phật A-di-đà. Đây là nhân trợ giúp. Người trước không có niềm tin vững chắc nên phải mười niệm, niệm Phật. Người này có niềm tin vững chắc nên không cần đầy đủ mười niệm.

3. Vì có tâm chí thành nguyện sinh về Cực lạc, nguyện này và hành trước hòa hợp là nhân.

Đây chính là người Bồ-tát chủng tánh.

Nay, văn này phân biệt qua về tướng của nó. Trước nói về chánh nhân, sau nói về trợ duyên.

- Chánh nhân nghĩa là phát tâm Vô thượng Bồ-đề tức không mong cầu sự giàu có, vui sướng của thế gian và cùng với nhị thừa Bồ-đề, Bồ-tát một hướng chí nguyện ba thân Bồ-đề, gọi là tâm vô thượng Bồ-đề. Nêu chung như thế, tuy nhiên ở trong đó có hai tâm:

- Tùy sự phát tâm.

- Thuận lý phát tâm.

+ Nói tùy sự phát tâm nghĩa là: Tâm phiền não vô số nguyện đoạn trừ sạch, thiện pháp vô lượng nguyện tu tất cả, chúng sinh vô biên nguyện độ hết thấy. Đối với ba việc này, phân thành ba định kỳ:

- Như Lai đoạn đức chánh nhân.

- Như Lai trí tuệ chánh nhân.
- Ân đức chánh nhân.

Ba đức hợp thành Vô thượng Bồ-đề tức là ba tâm, nói chung là nhân Vô thượng Bồ-đề. Nhân quả tuy khác, lượng dài rộng bằng nhau, không có chỗ nào thừa nên tóm thâu hết cả. Trong kinh Phật nói: “Hai việc phát tâm, rốt ráo không khác nhau; tâm trước hai tâm này tuy mình chưa được độ mà độ người khác trước. Cho nên ta đảnh lễ người sơ phát tâm.” Quả báo tâm này là Bồ-đề nhưng hoa báo của nó ở Tịnh độ. Sở dĩ như thế, vì tâm Bồ-đề rộng lớn vô biên, lâu dài vô hạn, nên có thể cảm ứng được y báo Tịnh độ rộng lớn vô biên, chánh báo thọ mạng lâu dài vô lượng. Ngoài tâm Bồ-đề ra không thể làm được việc ấy. Nên nói tâm này là chánh nhân.

+ Thuận lý phát tâm: Người tin hiểu các pháp đều như huyền mộng, phi hữu phi vô, lìa ngôn từ, bất suy nghĩ. Theo sự tin hiểu này phát tâm rộng lớn, tuy không thấy có phiền não, thiện pháp nhưng không trừ bỏ không thể đoạn (phiền não), có thể tu (pháp thiện), cho nên nguyện đoạn hết, tu hết mà không trái với vô nguyện Tam-muội. Tuy nguyện độ vô lượng hữu tình nhưng không có thể độ hết được, nên có thể tùy thuận ở “Không”, “Vô tướng”. Kinh nói rằng: “Như vậy, vô lượng chúng sinh được diệt độ mà thực không có chúng sinh nào được diệt độ, cho đến rộng nói. Nên người phát tâm như thế không thể nghĩ bàn. Đây là nói tướng của thuận lý phát tâm.

Tùy sự phát tâm có thể thoái chuyển, người bất định tánh cũng có thể phát tâm. Thuận lý phát tâm không còn thoái chuyển, người Bồ-tát chủng tánh có thể phát tâm. Công đức phát tâm này vô biên, nếu như chư Phật cùng kiếp diễn thuyết công đức ấy cũng không thể cùng tận. Tướng chánh nhân lược thuyết như vậy.

- Trợ nhân: Trợ nhân có nhiều loại, kinh, luận thường không cần bàn đến. Tất cả đều chuẩn theo đó mà biết, nay sẽ nói về mười niệm bậc hạ. Ý nghĩa của một lời nói có hai nghĩa: Nghĩa rõ ràng và nghĩa kín đáo. Nghĩa kín đáo: Đây là hướng đến quả thứ ba đối với thuần Tịnh độ.

Để nói về công đức mười niệm bậc hạ, theo kinh Di-lặc phát vấn nói: “Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Như lời Phật thuyết công đức lợi ích của Phật A-di-đà, nếu người nào có thể niệm danh hiệu Phật A-di-đà, mười niệm tương tục không gián đoạn, liền được vãng sinh. Vậy nên niệm thế nào?”

Phật dạy: “Chẳng phải niệm phàm phu, chẳng phải niệm bất

thiện, chẳng phải niệm tạp kiết sử, đầy đủ những niệm như thế tức được vãng sinh cõi nước An lạc.”

*** Mười niệm:**

1. Đối với tất cả chúng sinh thường sinh lòng từ, không phá hủy phạm hạnh của họ, nếu hủy hoại hạnh nguyện của họ, rốt cuộc không được vãng sinh.
2. Đối với tất cả chúng sinh thường khởi lòng thương xót, không còn ý tàn hại.
3. Phát tâm hộ pháp không tiếc thân mạng, đối với tất cả pháp không sinh tâm hủy báng.
4. Ở trong nhẫn nhục sinh tâm quyết định.
5. Tâm tư sâu kín thanh tịnh không đắm sâu lợi dưỡng.
6. Phát tâm Nhất-thiết-chủng-trí, ngày ngày thường niệm không có hư vọng.
7. Đối với tất cả chúng sinh khởi tâm tôn trọng trừ bỏ ý ngã mạn.
8. Đối với chuyện thế gian không sinh tâm tham đắm.
9. Thân cận với bậc giác ngộ, thâm khởi chủng chủng thiện căn nhân duyên, xa lìa tâm quấy nhiễu, tán loạn.
10. Chánh niệm quán Phật diệt trừ các vọng tưởng.

Giải thích: Mười niệm này chẳng phải người tầm thường, nên biết rằng, Bồ-tát sơ địa trở lên mới có thể đầy đủ mười niệm này. Ở thuần Tịnh độ nó là nhân bậc hạ, đây là mười niệm của nghĩa sâu kín.

- Nghĩa rõ ràng là hướng đến quả thứ tư chánh định và phi chánh định đối nhau mà nói. Như Kinh Quán nói: “Hạ phẩm hạ sinh, hoặc có chúng sinh tạo nghiệp ác Ngũ nghịch, Thập ác đều là bất thiện, lúc sắp mạng chung gặp được Thiện tri thức, thuyết pháp vi diệu cho họ, bảo họ niệm Phật, nếu người ấy không thể niệm Phật, nên gọi tên Phật Vô Lượng Thọ, trong mỗi niệm diệt trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Sau khi mạng chung được vãng sinh. Cho đến rộng thuyết, lấy những “Tâm” gọi là chí tâm. Thế nào gọi là mười niệm liên tục, Thập công nói rằng: “Thí như có người ở trong đồng vắng gặp ác tặc vung dao, tuốt kiếm xông đến giết. Người này bỏ chạy hết sức, bỗng nhìn thấy một con sông, lúc này chỉ nghĩ đến phương tiện qua sông, khi đã đến bờ sông lại nghĩ mặc áo qua sông hay là cởi áo qua sông. Nếu mặc áo sợ không qua được, nếu cởi áo sợ không kịp.” Người đó chỉ có nghĩ như vậy chớ không nghĩ gì khác. Nên nghĩ vượt sông tức là một niệm. Mười niệm này không lẫn lộn niệm khác. Hành giả cũng như vậy, nếu niệm danh hiệu Phật, nhớ nghĩ tướng Phật v.v... không gián đoạn niệm

Phật cho đến mười niệm chí tâm như thế gọi là Thập niệm. Đây là mười niệm của nghĩa rõ ràng.

Nay hai quyển này, tuy nói về Thập niệm đều có hai nghĩa rõ ràng và sâu kín, nhưng ở trong đó hiển bày rõ Thập niệm và ý của Kinh Quán có một phần nhỏ không giống nhau. Trong Kinh Quán không trừ tội ngũ nghịch, chỉ trừ tội hủy báng kinh Phương Đẳng. Hai cuốn kinh này trừ tội ngũ nghịch và tội hủy báng chánh pháp. Trái nhau như vậy, làm sao thông suốt được? Kinh kia nói: “Họ tuy tạo tội ngũ nghịch nhưng theo giáo lý Đại thừa được sám hối. Trong kinh này nói không được sám hối. Do nghĩa này nên trái nhau. Hoặc có thuyết nói rằng: “Trong kinh Di-lặc Sở vấn mười niệm chẳng phải nói thuần Tịnh độ cũng giống như Kinh Quán nói hướng đến Bốn cõi Tịnh độ. Sở dĩ như vậy là mười niệm đã trình bày tuy nói chẳng phải niệm phàm phu mà là chỗ tu tập của Bồ-tát Tam hiền, Thập tín, Tâm từ bi v.v... xem là thập niệm. Trong kinh Bảo Tích phẩm “Hội phát thắng chí nguyện” nói: “Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, như lời Phật dạy công đức, lợi ích ở thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà, nếu có chúng sinh phát khởi mười loại tâm, tùy theo mỗi tâm, chuyên niệm hướng về Phật A-di-đà. Người này mạng chung được vãng sinh về thế giới Phật A-di-đà. Bạch Đức Thế Tôn, những gì gọi là phát khởi mười loại tâm, nhờ tâm này nên được vãng sinh về thế giới của Phật A-di-đà?”

Phật bảo ngài Di-lặc rằng: “Này Di-lặc, mười tâm này chẳng phải là điều mà các phàm ngu, bất thiện, trượng phu đều còn phiền não, có thể phát khởi được.”

*** Mười tâm:**

1. Đối với chúng sinh khởi tâm đại từ, không có tâm tổn hại.
2. Đối với chúng sinh khởi tâm đại bi, không có tâm bức não.
3. Đối với chánh pháp của Phật không tiếc thân mạng, có tâm thích giữ gìn.
4. Đối với tất cả pháp phát sinh tâm thắng nhẫn, không có tâm chấp trước.
5. Không tham lợi dưỡng, có tâm cung kính tôn trọng, tâm ý thanh tịnh, ưa thích.
6. Cầu chứng trí Phật, đối với mọi lúc không quên mất tâm Bồ-đề.
7. Đối với các chúng sinh cung kính tôn trọng, không có tâm khinh chê.
8. Không say đắm bàn luận chuyện thế gian, đối với phần Bồ-đề

sinh khởi tâm quyết định.

9. Gieo trồng các thiện căn không có tạp nhiễm, tâm thanh tịnh.

10. Đối với chư Phật xả bỏ các vọng tưởng, khởi tâm tùy niệm.

Này Di-lặc! Đây gọi là Bồ-tát phát khởi mười loại tâm, nhờ tâm này nên được vãng sinh về thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà. Di-lặc! Nếu có người trong mười tâm này, tùy theo sự thành tựu được một tâm, muốn vãng sinh về thế giới Phật A-di-đà, nếu không được vãng sinh thì không đúng.

Giải thích: Kinh này và kinh Di-lặc Sở Vấn cùng bản gốc nhưng dịch khác. Điều nói chẳng phải chỗ các phàm ngu, bất thiện, trượng phu còn có các thứ phiền não mà có thể phát nguyện. Phàm là vô tánh, người phạm nhất Xiển-đề “Ngu”, là hưởng đến tịch tĩnh nhị thừa chủng tánh. Hủy báng chánh pháp, tạo ngũ nghịch v.v... gọi là người bất thiện. Họ đều là những người còn phiền não. Ngoài những người này ra, người nào tùy theo thành tựu được một tâm được vãng sinh về thế giới Cực lạc, chắc chắn có như vậy.

Vì thế nên biết mười niệm ngài Di-lặc đã nói chẳng phải niệm của phàm phu, những niệm này không chỉ là mười niệm đã tu ở Địa thượng. Nếu không như vậy, Bồ-tát ở Địa tiền sao lại không có từ bi, há không được vãng sinh sao? Nếu trong Kinh Quán, người tu mười sáu quán sẽ sinh về Cực lạc.

Trình bày thứ tự các môn nói về hạnh quả của chín phẩm:

Vãng Sinh luận nói về năm nhân hạnh. Như luận ấy nói: “Nếu có thiện nam, thiện nữ tu năm niệm môn thành tựu, rốt ráo được vãng sinh về nước An Lạc, thấy Phật A-di-đà.

Ngũ niệm môn là:

- Lễ bái môn (môn lễ bái).

- Tán thán môn.

- Tác nguyện môn.

- Quán sát môn.

- Hồi hướng môn.

+ Lễ bái môn là đem thân nghiệp lễ bái bậc Ứng cúng Chánh biến tri A-di-đà Như Lai để được sinh về nước ấy.

+ Tán thán môn là dùng khẩu nghiệp xưng danh hiệu Phật A-di-đà. Theo trí tướng quang minh của Phật ấy, danh nghĩa Phật ấy, muốn tu hành thực sự tương ứng.

+ Tác nguyện môn: Tâm thường nguyện một lòng chuyên niệm Phật, rốt ráo vãng sinh về nước An Lạc, muốn như thật tu hành xa ma

tha (thiền định).

+ Quán sát môn là đem trí tuệ quán sát chánh niệm, quan sát cõi Phật kia, muốn như thực hành Tỳ-bà-xá-na (huệ). Quan sát môn có ba:

1. Quán sát công đức của cõi Phật.
2. Quán sát công đức của Phật.
3. Quán sát công đức trang nghiêm của Bồ-tát.

+ Hồi hướng môn: Không bỏ tất cả chúng sinh khổ não, tâm nguyện luôn hồi hướng cho chúng sinh, thành tựu đại bi tâm. Nhân duyên vãng sinh lược thuyết như vậy.

V. Nêu số phẩm vãng sinh:

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Vãng sinh về Cực lạc không quá chín phẩm, cho nên kinh kia nói: Duy nguyện Thế Tôn rộng nói chỗ không còn lo buồn cho chúng con. Con nguyện được vãng sinh không thích sống cõi Diêm-phù đờ bản xấu xa này. Chỗ đờ bản xấu xa ở đây là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, những điều bất thiện nhiều vô số. Con nguyện vị lai không nghe lời ác, không thấy người ác. Nay con hướng về Thế Tôn, năm vóc sát đất cầu xin sám hối, mong Phật dạy chúng con quán sát nơi nghiệp thanh tịnh?”

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn vì cơ ấy ánh sáng giữa chân mày phóng ra, ánh sáng sắc vàng đó biến khắp mười phương vô lượng thế giới rồi trở lại ở trên đỉnh đầu Phật, hóa làm kim đài bằng núi Tu-di. Cõi nước thanh tịnh của mười phương chư Phật đều hiện ở trong đó, hoặc có cõi nước do bảy báu hợp thành. Lại có cõi nước thuần là hoa sen. Lại có cõi nước như cung Tự tại thiên, lại có cõi nước như kính pha lê. Cõi nước trong mười phương đều hiện trong đó, có vô lượng cõi nước của chư Phật như thế trang hoàng lộng lẫy khiến cho bà Vi-đề-hy thấy. Lúc ấy bà Vi-đề-hy bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Các cõi Phật này thanh tịnh có ánh sáng, nay con thích sinh về thế giới Cực lạc, chỗ của Phật A-di-đà chỉ mong Thế Tôn dạy con tư duy, dạy con chánh thọ.”

Phật dạy bà Vi-đề-hy rằng: “Người nay biết không? Phật A-di-đà ở cách đây không xa, người nên giữ niệm quán sát kỹ sự thành tựu, thanh tịnh của nước kia. Ta sẽ vì người rộng thuyết nhiều thí dụ, cũng khiến cho tất cả phàm phu ở đời vị lai muốn tu Tịnh độ được sinh về nước Cực lạc ở Tây phương. Người muốn sinh về nước ấy nên tu tam phước.

1. Không sát sinh tu thập thiện nghiệp.
2. Thọ trì tam quy đầy đủ các giới, không phạm uy nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, tụng đọc kinh điển Đại thừa, khuyên người khác tu hành.

Ba việc này gọi là tịnh nghiệp.

Phật bảo bà Vi-đề-hy: “Người nay biết không? Ba loại nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật trong ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại.”

Phật bảo ngài A-nan và bà Vi-đề-hy:

- *Thượng phẩm thượng sinh là thế nào?* Nếu có chúng sinh nguyện sinh về cõi kia nên phát ba thứ tâm, tức được vãng sinh. Ba thứ tâm: Tâm chí thành, Tâm sâu xa, Tâm hồi hướng phát nguyện. Đây đủ ba tâm này sẽ sinh về nước kia. Lại có ba hạng chúng sinh được vãng sinh: Một là hạng có lòng thương xót không giết hại, giữ gìn đầy đủ giới hạnh. Hai là hạng đọc tụng kinh Phương Đẳng Đại thừa. Ba là hạng tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sinh về Cực lạc. Nếu đầy đủ các công đức này, từ một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sinh. Lúc sinh về nước ấy, do người này tinh tấn dũng mãnh nên được Phật A-di-đà cùng hai Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn Thanh văn, Tỳ-kheo, đại chúng, vô lượng chư thiên và cung điện bảy báu đều hiện đến. Khi ấy Bồ-tát Quán Thế Âm cầm đài kim cang cùng với Bồ-tát Đại Thế Chí đến trước hành giả. Phật A-di-đà phóng đại quang minh chiếu đến thân hành giả, rồi cùng chư Bồ-tát đưa tay đón tiếp. Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí cùng vô số Bồ-tát khen ngợi hành giả, khuyến tấn tâm hành giả. Hành giả thấy cảnh ấy rồi vui mừng khôn xiết, tự thấy thân mình, ngồi trên đài kim cang, theo sau Phật, trong khoảng khảy ngón tay sinh về Cực lạc. Khi đã sinh về cõi kia, thấy sắc thân của Phật đầy đủ các tướng, chư Bồ-tát sắc tướng đầy đủ. Ánh sáng, rừng báu đều diễn thuyết diệu pháp. Hành giả nghe xong, liền ngộ vô sinh pháp nhẫn, trong giây lát phụng thờ chư Phật, biến khắp mười phương thế giới, được thọ ký trước chư Phật, rồi trở về bốn quốc, chứng vô lượng trăm ngàn môn Đà-la-ni. Đây gọi là thượng phẩm thượng sinh.”

- *Thượng phẩm trung sinh:* Có chúng sinh không cần phải thọ trì đọc tụng kinh Phương Đẳng, nhưng khéo hiểu nghĩa thú, đối với Đệ nhất nghĩa tâm không sợ hãi, tin sâu lý nhân quả, không phỉ báng Đại thừa. Hành giả đem công đức này hồi hướng, nguyện sinh về nước Cực lạc thì lúc sắp mạng chung Phật A-di-đà cùng với hai Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng, quyến thuộc vây quanh cầm đài Tử kim đến trước hành giả khen rằng: “Pháp tử, người tu Đại thừa, hiểu

Đệ nhất nghĩa, nên nay ta đến nghênh tiếp ông.” Lúc đó Phật A-di-đà cùng với ngàn hóa Phật đưa tay tiếp dẫn. Hành giả tự thấy mình ngồi trên đài Tử kim, chấp tay tán thán chư Phật, trong khoảng một niệm người ấy sinh về ao thất bảo ở cõi Cực lạc.

Đài Tử kim này như hoa báu lớn, trải qua một đêm thì nở. Hành giả thân sắc Tử ma kim, dưới chân lại có hoa sen bảy báu. Phật và Bồ-tát đồng thời phóng quang minh chiếu đến thân hành giả, mắt liền mở sáng nhờ sức tu tập đời trước, nghe được các âm thanh khắp nơi đều nói thuận pháp Đệ nhất nghĩa rất thâm sâu. Nghe xong, liền bước xuống kim đài, lễ Phật chấp tay khen ngợi Đức Thế Tôn. Trải qua bảy ngày liền được không thoái chuyển nơi quả vô thượng Bồ-đề, có thể tự tại bay đi khắp mười phương thừa sự chư Phật, tu các môn tâm muội. Trải qua một tiểu kiếp, đắc vô sinh pháp nhẫn, hiện tiền được Phật thọ ký. Đây là “Thượng phẩm trung sinh”.

- *Thượng phẩm hạ sinh*: Có chúng sinh tuy cũng tin nhân quả, không hủy báng Đại thừa, nhưng chỉ phát tâm vô thượng đạo (Bồ-đề), đem công đức này hồi hướng nguyện về nước Cực lạc. Lúc hành giả mạng chung, Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng với các quyến thuộc cầm hoa sen vàng, hóa hiện năm trăm vị Phật đến nghênh tiếp người đó. Năm trăm hóa Phật đồng thời đưa tay xuống, khen rằng: “Pháp tử! Người nay thanh tịnh, phát đạo tâm vô thượng, nên ta đến rước người.” Hành giả thấy việc này liền tự thấy mình ngồi trên hoa sen vàng, ngồi xong cánh hoa khép lại, theo sau Đức Thế Tôn, sinh về ao bảy báu. Trải qua một ngày một đêm, hoa sen nở ra, bảy ngày sau mới được thấy Phật. Tuy thấy thân Phật nhưng đối với các tướng hảo chưa rõ ràng, đợi sau hai mươi một ngày mới rõ ràng, lại nghe các âm thanh đều diễn thuyết pháp mầu, đạo khắp mười phương chư Phật, cúng dường chư Phật, ở trước chư Phật nghe pháp thâm diệu. Trải qua ba tiểu kiếp, đắc bách pháp minh môn, trụ ở hoan hỷ địa. Đây gọi là thượng phẩm hạ sinh. Nên đây gọi là tướng vãng sinh của bậc Thượng, gọi là pháp quán thứ mười bốn.

- *Trung phẩm thượng sinh*: Nếu có chúng sinh thọ trì ngũ giới, giữ bát quan trai, tu hành các giới, không tạo tội ngũ nghịch, không phạm lỗi lầm, đem thiện căn hồi hướng cầu sinh về thế giới Cực lạc ở Tây phương. Khi mạng chung chúng sinh đó được Phật A-di-đà cùng với các Tỳ-kheo, quyến thuộc vây quanh, phóng kim quang đến chỗ mình, diễn thuyết các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, khen ngợi hạnh xuất gia xa lìa các khổ. Hành giả thấy rồi, tâm rất vui mừng, tự thấy thân mình

ngồi trên đài sen, quỳ gối chấp tay đánh lễ Phật. Lúc chưa ngẩng đầu lên liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Sau khi vãng sinh, vừa lúc hoa sen nở ra, hành giả nghe các âm thanh khen ngợi pháp Tứ đế, liền chứng quả A-la-hán, đầy đủ Tam minh, Lục thông và Bát giải thoát. Đây gọi là “Trung phẩm thượng sinh”.

- *Trung phẩm trung sinh*: Nếu có chúng sinh, trong một ngày một đêm trì giới đầy đủ về giới Bát quan trai, Sa-di và các oai nghi, đem công đức này hồi hướng cầu sinh về nước Cực lạc. Hành giả huân tu giới hương như thế, khi mạng chung thấy Phật A-di-đà cùng với các quyến thuộc phóng Kim quang, cầm hoa sen bảy báu đến trước hành giả. Hành giả tự nghe giữa không trung có tiếng khen ngợi: “Thiện nam, thiện nữ, người là thiện nhân biết tùy thuận giáo pháp chư Phật ba đời, nay ta đến rước người. Hành giả tự thấy ngồi trên hoa sen, hoa sen liền khép lại, sinh về thế giới Cực lạc ở Tây phương. Ở trong đất báu (bảo địa) trải qua bảy ngày hoa sen nở ra, hành giả mở mắt, chấp tay khen ngợi Đức Thế Tôn, được nghe diệu pháp sinh tâm hoan hỷ, chứng quả Tu-đà-hoàn. Trải qua nữa kiếp sau mới chứng quả A-la-hán. Đây gọi là “Trung phẩm trung sinh”.

- *Trung phẩm hạ sinh*: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hiếu dưỡng cha mẹ, tu hạnh nhân từ. Người này khi mạng chung gặp Thiện tri thức giảng cho họ nghe về sự an ủi của cõi Phật A-di-đà và bốn mươi tám đại nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng. Người ấy nghe việc ấy rồi liền mạng chung. Ví như khoảng trống sĩ co duỗi cánh tay, sinh về thế giới Cực lạc ở Tây phương. Trải qua bảy ngày gặp Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, nghe pháp nhiệm mầu sinh tâm vui mừng, qua một tiểu kiếp mới chứng quả A-la-hán. Đây gọi là “Trung phẩm hạ sinh”.

- *Hạ phẩm thượng sinh*: Hoặc có chúng sinh, tuy không hủy báng kinh Phương Đẳng nhưng lại tạo nhiều ác nghiệp. Người ngu si này tạo nhiều ác nghiệp lại không biết hối hận. Khi mạng chung gặp Thiện tri thức nói cho nghe tên đề mục của mười hai bộ kinh Đại thừa. Vì nghe danh tự các kinh như thế nên trừ được nghiệp ác nặng nề trong ngàn kiếp. Thiện tri thức lại bảo chấp tay niệm “Nam-mô A-di-đà Phật.” Nhờ xưng danh hiệu Phật nên diệt trừ tội trong năm mươi ức kiếp sinh tử. Lúc ấy Phật A-di-đà liền sai hóa Phật, hóa Bồ-tát Quán Thế Âm và hóa Bồ-tát Đại Thế Chí đến trước hành giả khen rằng: “Thiện nam tử! Người đã xưng danh hiệu Phật, nên các tội tiêu trừ, Ta đến đây rước người. Nói như vậy xong, hành giả thấy quang minh của hóa Phật đầy khắp nhà mình, thấy rồi vui mừng liền mạng chung, ngồi trên hoa sen

báo, theo sau hóa Phật sinh về ao thất bảo. Trải qua bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở. Vừa lúc hoa nở, Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát và phóng đại quang minh đứng trước người ấy, giảng thuyết cho nghe nghĩa lý thâm diệu của mười hai bộ kinh. Người ấy nghe rồi tin hiểu, phát tâm vô thượng Bồ-đề, trải qua mười tiểu kiếp, đầy đủ bách pháp minh môn, nhập vào sơ địa. Đây gọi là “Hạ phẩm thượng sinh”. Được nghe tên Tam bảo, liền được vãng sinh.

- *Hạ phẩm trung sinh*: Hoặc có chúng sinh hủy phạm ngũ giới, bát giới, cụ túc giới. Người ngu này trộm vật của tăng kỳ và vật của hiện tiền Tăng, thuyết pháp bất tịnh lòng không hổ thẹn, dùng các ác nghiệp để tự trang nghiêm. Người này vì tạo nhiều ác nghiệp lẽ ra bị đọa vào địa ngục. Lúc lâm chung, các tướng lửa ở địa ngục cùng lúc hiện ra. Nếu gặp bậc Thiện tri thức thương xót giảng cho họ nghe về oai đức thập lực, sức thần thông quang minh của Phật A-di-đà, đồng thời tán thán giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Người này nghe rồi diệt trừ tội trong tám mươi kiếp sinh tử. Lửa dữ địa ngục hóa thành gió mát thổi các hoa trời, trên hoa có hóa Phật, hóa Bồ-tát nghênh tiếp người này trong khoảng một niệm liền được vãng sinh về trong hoa sen ở ao Thất bảo. Trải qua sáu kiếp hoa sen mới nở, Bồ-tát Quán Âm, Bồ-tát Thế Chí hiện đến, dùng tiếng Phạm âm, an ủi, giảng giải pháp thâm diệu của Đại thừa. Người ấy nghe pháp này rồi liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đây là “Hạ phẩm trung sinh”.

- *Hạ phẩm hạ sinh*: Hoặc có chúng sinh, tạo các nghiệp bất thiện như ngũ nghịch, thập ác, làm đủ các việc chẳng lành. Người ngu này vì tạo ác nghiệp nên sẽ đi đọa vào địa ngục, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng. Khi lâm chung người này gặp Thiện tri thức dùng nhiều cách an ủi, giảng nói pháp mầu cho người ấy, lại dạy họ niệm Phật nhưng người kia khổ sở bức bách không thể tưởng niệm Phật. Thiện tri thức lại bảo: “Nếu ông không thể tưởng niệm Phật thì nên niệm Phật Vô Lượng Thọ, chí thành như thế không thôi, cho đến đủ mười niệm “Nam-mô A-di-đà Phật”. Nhờ niệm Phật nên mỗi mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi kiếp sinh tử. Sau khi mạng chung, người ấy thấy hoa sen vàng rực rỡ như mặt trời hiện ra trước người đó, trong khoảng một niệm liền được vãng sinh về trong hoa sen ở thế giới Cực lạc. Mãn mười hai đại kiếp, hoa sen mới nở, khi ấy Bồ-tát Quán Âm và Bồ-tát Thế Chí hiện đến, dùng tiếng đại bi rộng thuyết thực tướng của các pháp, cách trừ diệt tội chướng cho người ấy nghe. Người này nghe xong rất vui mừng, liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đây là “hạ phẩm hạ sinh”.

Giải thích: Nói chung, chia chín phẩm lược có hai giải thích. 1. Giải thích: Chín phẩm này cũng là Bồ-tát Thập tín khi tiến, khi lùi, tạo ác, hành thiện, lên cao, xuống thấp không giống nhau nên chia thành chín phẩm. Người ở ba phẩm đầu là người ở địa vị Thập tín, từ lâu không thoái chuyển thẳng đến Bồ-đề, tùy theo sự thực hành nhiều ít nên thành ba phẩm thượng. Người ở ba phẩm trung, thối thất tâm Đại thừa phát khởi ý Tiểu thừa, thối thất hạnh Đại thừa tu nghiệp Tiểu thừa, thực hành có cạn, sâu, nên thành ba phẩm trung. Người ở ba phẩm hạ thối thất tâm Đại thừa, hưởng đến dòng sinh tử, thối thất hạnh Đại thừa, tạo tội sinh tử, tạo tội có nhẹ có nặng nên thành ba phẩm hạ.

2. Giải thích: Người phát tâm Đại Bồ-đề, tu hành hạnh Bồ-tát, thực hành có cạn, sâu, nên thành ba phẩm thượng. Người phát tâm Tiểu Bồ-đề, tu hành hạnh Thanh văn, thực hành có cạn sâu, nên thành ba phẩm trung. Người không phát tâm Đại thừa, Tiểu thừa, không tu hạnh Đại thừa, Tiểu thừa, chỉ khởi tâm sinh tử, tạo tội sinh tử, tạo tội có nhẹ, nặng thành ba phẩm hạ. Đây là sự phân chia chín phẩm theo phần “Thô”. Nếu theo phần “Tế” sẽ luận riêng:

- Thượng phẩm thượng sinh: Là những người phát khởi ba loại tâm. Luận Khởi Tín ghi: “Người ở địa vị khi tín thành tựu, phát tâm Bồ-đề là ở tâm cuối cùng của Thập tín, sinh về Cực lạc, liền chứng Vô sinh pháp nhẫn.” Đây gọi là Duyên quán Vô sinh nhẫn. Kinh Bốn nghiệp nói: “Vô sinh pháp nhẫn ở địa vị giải thoát.”

- Thượng phẩm trung sinh: Người ở địa vị đầu tiên của Thập tín, một số kiếp ở đây bằng một ngày ở Cực lạc, nên trải qua một tiểu kiếp mới chứng vô sinh pháp nhẫn. Nghĩa là chứng lý vô sinh nhẫn thì ở sơ địa.

- Thượng phẩm hạ sinh: Là người chưa đến địa vị Thập tín, nhưng tin và quy y Tam bảo, thọ giới Bồ-tát, cũng tin nhân quả, không hủy báng Đại thừa, chỉ phát tâm Vô thượng Bồ-đề nên trong bảy ngày, chỉ thấy thân Phật mà tâm không rõ, sau hai mươi một ngày mới thấy được rõ ràng, người này chưa thể nhờ nghiệp thức để thấy Như Lai, nên sau hai mươi một ngày mới nhập vào Thập giải, thấy Phật chỉ từ tâm khởi. Nên người này trải qua ba tiểu kiếp sẽ trụ ở Hoan hỷ địa. Tiểu kiếp ở kia bằng Tăng-kỳ ở đây. Cho nên trung phẩm trải qua một tiểu kiếp, hạ phẩm trải qua ba tiểu kiếp, cùng nhập vào sơ địa. Ở thắng giải hạnh địa căn tánh các Bồ-tát có “lợi độn” (nhánh nhẹ, chậm lụt), hạnh cũng có siêng năng giải đãi, nên chỉ có sự dài ngắn khác nhau mà công hạnh như nhau. Các phẩm hạ theo đây có thể biết. Trong ba phẩm trung, bậc

thượng là noãn đảnh nhãn quyết trạch phần vị, bậc trung là Tiền tam phương tiện giải thoát phần, bậc hạ là phàm phu chưa đạt Ngũ đỉnh tâm quán, hưởng đến thiện. Người trong ba phẩm này thể hiện vãng sinh như nhau, chỉ vì sinh vào bán kiếp nên phân làm ba vậy.

- Ba phẩm hạ: Nói chung là tất cả phàm phu tạo nhiều ác nghịch, nhẹ nặng khác nhau, nhưng gặp duyên được nghe pháp diệt trừ tội lỗi, nên có ba phẩm, không còn địa vị khác. Nếu theo kinh Vô Lượng Thọ nói chung có ba phẩm như kinh kia nói: “Phật bảo ngài A-nan: “Nếu có chúng sinh sinh về Cực lạc đều ở chánh định tụ. Vì sao? Vì trong cõi Phật ấy không có Tà định tụ và Bất định tụ. Hằng sa chư Phật Như Lai trong mười phương tán thán uy thần, công đức không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ. Có chúng sinh nghe danh hiệu Ngài sinh tín tâm, vui mừng cho đến trong một niệm một lòng, hồi hướng nguyện vãng sinh về nước Cực lạc liền được vãng sinh trụ bất thoái chuyển, chỉ trừ những người phạm tội ngũ nghịch, hủy báng chánh pháp.”

Phật bảo A-nan: “Nếu có dân chúng cõi trời, người khắp mười phương thế giới thành tâm muốn sinh về cõi Cực lạc. Tất cả có ba hạng. Trong đó bậc thượng là xả bỏ tài sản, lìa gia đình làm bậc Sa-môn, phát tâm Bồ-đề, một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu các công đức, nguyện sinh về nước Cực lạc. Những chúng sinh này lúc lâm chung có Phật Vô Lượng Thọ cùng với các đại chúng hiện đến trước người ấy. Người này theo Phật kia vãng sinh, ở trong hoa sen bảy báu của nước đó, tự nhiên hóa sinh trụ bất thoái chuyển. Trí tuệ đồng mãnh, thần thông tự tại cho nên đắc A-la-hán. Vì vậy, nếu có chúng sinh ở đời nay muốn thấy Phật Vô Lượng Thọ nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tu hành công đức, nguyện sinh về Cực lạc.”

Phật bảo ngài A-nan: “Bậc trung là: Nếu có dân chúng cõi trời, người có chí tâm nguyện sinh về Cực lạc, tuy không thể làm Sa-môn, tu tập các công đức, nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu thiện phụng trì trai giới, xây dựng tháp tượng, cúng dường sa môn, treo tràng phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương cúng dường chư Phật, đem công đức này hồi hướng nguyện sinh về nước Cực lạc. Người ấy khi lâm chung được hóa Phật Vô Lượng Thọ hiện thân mình tướng hảo quang minh như Phật chân thật cùng với các đại chúng hiện đến trước người đó. Người đó theo Hóa Phật vãng sinh về Cực lạc, trụ bất thoái chuyển, công đức trí tuệ thứ tự như ở bậc thượng”.

Phật bảo ngài A-nan: “Bậc hạ là dân chúng cõi trời, người trong mười phương thế giới có chí tâm muốn sinh về Cực lạc. Giả sử họ không

thể làm các công đức, phát tâm Vô thượng Bồ-đề nhưng một lòng chuyên chú cho đến mười niệm, niệm Phật Vô Lượng Thọ, nguyện sinh về nước kia, nếu nghe pháp thậm thâm, vi diệu sinh tâm vui mừng tin thích, không sinh nghi hoặc cho đến một niệm, niệm Phật kia, đem tâm chí thành nguyện sinh về nước ấy. Người này lúc lâm chung mộng thấy Phật kia cũng được vãng sinh. Công đức trí tuệ thứ tự như bậc trung.

Các ông nên suy nghĩ kỹ, ở trong đó dùng tâm ngay hạnh chánh nêu lên những lời này để Thánh nhân Tam thừa và Tam hiền Địa tiên cùng với Thất phương tiện Nhị thừa, phát tâm vô thượng Bồ-đề giả danh Bồ-tát cho đến phương tiện đạo, Tứ chúng, nam, nữ, không căn, nhị căn đến Thiên long, quỷ thần, bát bộ có thể phát tâm Bồ-đề, chuyên niệm Phật A-di-đà, chán ghét uế độ, ưa thích Tịnh độ. Khi lâm chung, chánh niệm hiện tiền đều được vãng sinh. Nếu đồng mãnh tinh tấn quán hạnh rõ ràng thì giai đoạn sau cùng lúc lâm chung tâm không tán loạn và được thượng sinh, cho đến mười niệm tương tục sau cùng lúc lâm chung vẫn còn, được “Hạ phẩm hạ sinh”. Trong đây Bồ-tát vãng sinh tự có ba loại chín phẩm. Nhị thừa vãng sinh tự có Thượng, Trung, Hạ, phàm phu vãng sinh tự có Thượng, Trung, Hạ mỗi cái đều có chín phẩm. Nhưng trong kinh không thể phân biệt tướng tận nên Đại thừa, Tiểu thừa, phàm phu hợp lại trình bày chín phẩm, nhưng thực ra có rất nhiều sai biệt vậy. Hiểu rõ bốn mươi tám lời nguyện và chỉ thú của Kinh Quán, phàm phu là chánh sinh, Thánh nhân là kiêm sinh. Kinh kia chỉ nói: “Vì tất cả phàm phu ở đời vị lai chịu tai hại của giặc phiền não mà nói chỗ thanh tịnh để khuyên người đời cầu vãng sinh.” Bồ-tát, trong hàng phàm phu, người bài báng Đại thừa không được vãng sinh vì đoạn thiện căn. Học nhân ngu pháp trong hàng Nhị thừa không được vãng sinh vì không tin Tịnh độ ở mười phương. Bồ-tát không nguyện sinh về Cực lạc, lại cũng không sinh vì nguyện tự tại. Nếu Nhị thừa vô học bất luận ngu hay không ngu đều được vãng sinh vì trong Tam giới uế độ không có chỗ thọ sinh của họ. Nghĩa về phẩm loại vãng sinh trình bày sơ lược như vậy.

VI. Luận về sự khó dễ của việc vãng sinh:

Trong đây có hai phần, trước nói về hai chỗ hơn kém, sau trình bày sự khó dễ của việc vãng sinh.

- Hai chỗ hơn kém: Tán tán chung thật đức có cái hơn cái kém cho nên tất cả bậc Pháp vương đều gọi là Thiện Thệ thân đầy đủ vạn năng, cõi nước tràn đầy những thứ tốt đẹp. Nhưng vì hóa độ chúng sinh

hoặc ở Uế độ đất đai gập ghềnh, hoặc ở Tịnh độ tràn đầy báu lạ. Nếu luận về chỗ này không thể không có hơn kém, Thiên cung Đâu-suất do hư không kết thành, thế giới Cực lạc do đất lập nên, vì thế người, trời khác nhau. Nếu căn cứ pháp độ này mà luận về thế giới kia thì trời hơn, người kém. Nếu nói về Uế độ thì Đâu-suất là Uế giới, Cực lạc là Tịnh giới, sơ lược chia làm đây kia có mười bốn điều khác nhau. Đất đai ở trời Đâu-suất chật hẹp, nam nữ ở chung, cũng có hiện hành dục nhiễm, có thoái chuyển, thọ bốn ngàn tuổi ở Trung Thiên thân lượng cũng như vậy. Lại nữa, tâm tam tánh sinh khởi vì ác tâm bị đọa địa ngục, tam thọ, lục trần sinh khởi khiến cho con người phóng dật, con trai sinh trên đầu gối cha, con gái sinh tại đầu gối mẹ. Bồ-tát vì chúng sinh thuyết pháp có người đắc Thánh quả, có người không. Cõi Tây phương ngược lại ở đây, vì vậy theo nghĩa này thì Tây phương là ưu việt nhất.

- Trình bày sự khó dễ của việc vãng sinh:

Có người nói dễ sinh Tây phương, khó sinh Đâu-suất, tạm có bảy loại khác nhau:

1. Cực lạc là nơi dễ sinh của người, Đâu-suất là nơi khó sinh của trời.
2. Cực lạc chỉ giữ ngũ giới được vãng sinh, Đâu-suất tu đầy đủ Thập thiện mới được vãng sinh.
3. Cực lạc chỉ cần mười niệm được vãng sinh, Đâu-suất đầy đủ giới bố thí mới được vãng sinh.
4. Tây phương nương nhờ bốn mươi tám đại nguyện của Phật A-di-đà được vãng sinh, Đâu-suất không có nguyện nào để nương nhờ chỉ do tự sức mình vãng sinh.
5. Tây phương có Bồ-tát Quán Thế Âm v.v... thường đến cõi này khuyến hướng đến vãng sinh, Đâu-suất không có những việc này.
6. Tây phương kinh luận đều có tán thán khuyến khích người sinh về đó, Đâu-suất chỉ có một kinh tán thán.
7. Từ xưa đến nay các bậc Đại đức đều hướng về Tây phương, ít người hướng về Đâu-suất.

Do nghĩa này nên nói dễ vãng sinh về Tây phương, khó sinh lên trời Đâu-suất.

Hoặc có người nói dễ sinh Đâu-suất, khó sinh Cực lạc. Người trí biết đủ thì ở tại cảnh giới này cũng giống như Thiên cung. Trong, ngoài, lớn, nhỏ họ đều chấp nhận, đã là hóa thân nhất định được vãng sinh. Theo kinh Thượng Sinh: “Nếu bốn chúng hành lục độ, Bát bộ nghe danh hiệu Phật vui mừng sám hối ác nghiệp, tu hành thập thiện nguyện sinh

về cõi ấy thì tất cả đều được vãng sinh về Thế giới Cực lạc. Theo luận Đối Pháp Biệt thời ý thú, như nói: “Nếu có chúng sinh nguyện sinh về thế giới Cực lạc thì được ý vãng sinh tại thời khác, giống như đổi lấy một tiền mà được một ngàn tiền”. Cho nên kinh kia nói: “Chẳng phải nhân duyên tiểu thiện căn mà được vãng sinh về cõi kia.” Luận Thiên Thân ghi: “Hàng nữ nhân, thiếu căn, Nhị thừa không được vãng sinh, tướng Phật như năm núi Tu-di há phàm phu có thể thấy tướng này. Những nghĩa này thành thật chứng minh chẳng phải là một. Cho nên nguyện vãng sinh Tây phương, rất ít người được vãng sinh. Hoặc nói như hai thuyết trước cũng không cạn lý. Nói chung sự khó dễ của việc vãng sinh tùy theo nhân duyên. Duyên là chư Phật Bồ-tát đồng thể đại Bi, nhân là: Bốn chúng, chín loài khởi nguyện hạnh đồng thể đại bi. Tuy nghiệp của chúng sinh không giới hạn người nào nhưng vẫn không giống nhau. Nếu là người nghiệp nhân thành thực, tùy theo hạnh nguyện liền được vãng sinh, chẳng phải vì trời, người, nếu như khó vãng sinh thì vì Uế độ. Nếu có chướng ngại, hoặc hạnh nguyện chưa tròn đầy thì không có cảm ứng ngay đời này há do đồng cảnh giới mà dễ sinh ư? Hay là vì hóa thân mà liền được yết kiến chư Phật. Vì thế hơn ba ức nhà ở trong thành Vương xá mà không nghe danh hiệu Như Lai, chín mươi ức người trong Na-lạc-già (địa ngục) sống riêng trong nhà hoạn nạn mà còn thấy tướng sắc vàng của Phật, thì mới biết chúng sinh khởi hạnh nguyện nhờ thuộc tướng của thắng duyên, có sai lầm hay không sai lầm hoặc có thuộc tự tánh Di-đà, hoặc vốn là thân thuộc của ngài Di-lặc, tùy theo quan hệ mỗi mỗi đều đắc đạo nhanh hơn những người không có quan hệ, vì họ nhiều công lao nhưng ít lợi ích. Cho nên Tỳ mẫu của trưởng giả được ngài La-hầu-la giáo hóa. Thiên tử ở cõi trời phi tướng nhờ thân đã qua mà được ngộ đạo. Vì thế, tùy theo tâm cung kính, chuyên cần tu hành thì dễ vãng sinh nhanh như khảy móng tay. Vì sao là bàn luận giữa khó và dễ? Nếu người phát tâm Bồ-đề, quyết định không nghi ngờ lục độ dễ làm, cửu phẩm chẳng phải khó tu, tội nghiệp tuy nhiều phải trải qua nhiều kiếp. Địa ngục tuy tối tăm cản trở nhưng sẽ vượt qua cửa vương ấn. Chỉ vì hàng hậu học, hành giả ngu si, nghi ngờ lời thành thật phát ra từ tướng lưỡi che khắp đại thiên thế giới, lại tin lời lẽ của ếch ngồi đáy giếng làm ngu tâm. Há chẳng phải cát đá nước Yên nghi là châu nhà Tùy. Thật đáng thương thay!

VII. Giải trừ những điều nghi:

Hỏi: Như Nhiếp Đại thừa luận giải thích về biệt thời ý, há không

phải là phá trừ sao?

Đáp: Luận kia nói có biệt thời và không biệt thời, nếu chỉ phát nguyện suông tức là biệt thời, vừa phát hạnh nguyện vừa tu hành là không biệt thời. Như Bồ-tát Thiên Thân chia mười niệm hạnh làm biệt thời ý, vì sao tạo luận vãng sinh mà khuyên người vãng sinh? Lại phát khởi kinh Quán Vô Lượng Thọ do vì bà Vi-đề-hy sinh con ngũ nghịch là thái tử A-xà-thế. Vì vậy bà chán ghét đời ngũ trước nguyện sinh Cực lạc. Phật thuyết tam phước nghiệp, thập lục quán môn (ba phước, mười phép quán) cho bà nghe và để khuyên chúng sinh tu hành cầu vãng sinh về Cực lạc. Cho đến những người phạm thập ác, ngũ nghịch đều khuyên họ nguyện vãng sinh. Khi đã thấy cảnh Tịnh độ bà Vi-đề-hy bạch Phật: “Kiếp trước con tạo nghiệp gì; thân thì đã ở đời ngũ trước lại sinh nghịch tử?” Phật thuyết pháp đều được vãng sinh tức biết phạm phu hiện ở đời ngũ trước, hết thấy đều được vãng sinh.

Hỏi: Bà Vi-đề-hy là Đại Bồ-tát vì hóa độ chúng sinh, hiện thân người nữ lại sinh nghịch tử há thật là (hạng) phạm phu sao?

Đáp: Cho dù bà Vi-đề-hy thật là Bồ-tát, hiện thân người nữ để hóa độ chúng sinh, cần phải che dấu đi khả năng thật đức của mình thị hiện giống phạm phu, giáo hóa đồng loại. Tức hiện giống phạm phu, thân ở đời ngũ trước, thường biết dắt dẫn phạm phu trong đời ngũ trước vãng sinh về Cực lạc. Nhiếp Đại thừa luận ghi: “Do chỉ phát nguyện là biệt thời ý, nên biết tam phước, thập lục quán, bảy ngày niệm Phật v.v... là biệt thời vậy.”

Hỏi: Như Vãng sinh luận ghi: “Người nữ, kẻ thiếu căn và Nhị thừa chủng không sinh không được vãng sinh, vì sao kinh này nói người nữ v.v... cũng được vãng sinh?”

Đáp: Thật đúng như vậy, nếu không phải ba hạng này nhất định được vãng sinh. Ba hạng là:

1. Ở trong nước này hoặc có nam tử, hoặc có nữ nhân, nhân vì người nữ này quyết định làm thân người nữ. Người này dù tu hạnh Tịnh độ cũng không được vãng sinh vì ở Tịnh độ không có người nữ. Cho nên đây là định nghiệp không thể biến đổi, tức là nghiệp chướng. Người thiếu căn như đui mù, câm điếc có thể biết cũng như vậy. Nếu họ có hối cải, trừ bỏ thì không phải hạng này. Nhị thừa gieo nhân Nhị thừa, không tin Đại thừa và mười phương Tịnh độ cũng không được vãng sinh. Luận kia nói chủng tức là chủng định nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao Kinh Quán nói: Người thọ trì ngũ giới tức sinh về Cực lạc, nghe thuyết Tứ đế chứng quả A-la-hán v.v...?

Đáp: Người không ngu pháp này tin có mười phương chư Phật và Tịnh độ, phát nguyện vãng sinh, nếu chứng được A-la-hán, Phật thuyết kinh Pháp Hoa, lúc ấy họ hồi tâm hướng đến Đại thừa. Đây là chỗ phán quyết của Trí Độ luận.

Hỏi: Chúng sinh ác nghiệp nặng nề sẽ chướng ngại sinh về Cực lạc, chẳng phải làm chút ít việc thiện mà có thể tiêu trừ. Vì sao Kinh Quán nói: “Mười niệm lúc lâm chung được vãng sinh?”

Đáp: Tâm là chủ của nghiệp, là cội gốc của thọ sinh, tâm lúc lâm chung giống như con mắt (chỗ chủ yếu) có thể hướng dẫn tất cả nghiệp. Nếu tâm lâm chung ác có thể dẫn theo tất cả ác nghiệp, nếu tâm lâm chung thiện có thể dẫn theo tất cả thiện nghiệp. Như rồng bay thì mây bay theo. Tâm nếu hướng thẳng đến phương Tây thì nghiệp cũng đi theo vậy.

Hỏi: Như kinh Di-lặc Sở Vấn nói: “Trong mười niệm chẳng phải niệm phàm phu, không xen tạp niệm kiết sử. Nay thân thể của chúng sinh này là phàm phu, kiết sử chưa đoạn. Vì sao niệm Phật được vãng sinh?”

Đáp: Hoặc nói: Nếu như kinh kia chỉ có một mình Phật được vãng sinh, ngoài ra tất cả phàm phu không được vãng sinh vì sau địa vị Thập địa, tâm Bồ-tát còn có hai loại vô minh. Nên nay giải thích kinh kia rằng: “Niệm phàm phu nếu không phát tâm Bồ-đề, cầu ra khỏi Tam giới, được làm Phật mà chỉ một bề niệm Phật cầu vãng sinh. Đó chính là niệm phàm phu không được vãng sinh. Cho nên tất cả phải phát tâm Bồ-đề, không xen tạp niệm kiết sử, chỉ cần một tâm tương tục quán tưởng tướng hảo của Phật. Nhưng miệng niệm Phật tâm lại chạy theo ngũ dục đó là xen tạp niệm kiết sử. Niệm Phật với tâm thuần tịnh và kiết sử trái nhau hoặc có nghĩa khác nhau, như thấy giống ở trước.

Hỏi: Tội nghiệp chúng sinh chất chứa nhiều như núi. Vì sao niệm mười niệm sẽ diệt trừ được ác nghiệp như thế, dù niệm trăm ngàn biến cũng là qua ít, nếu không diệt được ác nghiệp... lại vì sao được vãng sinh Tịnh độ?

Đáp: Ở đây có ba nghĩa:

1. Nếu lúc lâm chung, nếu người có chánh niệm hiện tiền thì tâm này có thể dẫn dắt theo nghiệp thiện từ xưa đến nay và suốt cuộc đời này cùng giúp đỡ lẫn nhau liền được vãng sinh.

2. Danh hiệu chư Phật do tóm thâu vạn đức tạo thành, nếu chỉ một niệm niệm danh hiệu Phật, tức trong một niệm ấy bao gồm vạn đức liền diệt được tội nghiệp, ác nghiệp, chướng ngại, trừ sạch tất cả tội. Nên

trong hạ phẩm trung sinh nói rằng: “Nhờ xưng danh hiệu Phật, ở trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử.”

3. Ác nghiệp từ vô thí từ vọng tâm mà có. Công đức niệm Phật từ chân tâm khởi. Chân tâm sáng như ban ngày, vọng tâm tối như ban đêm. Khi chân tâm khởi lên vọng niệm liền bị tiêu diệt như mặt trời xuất hiện thì bóng tối không còn. Vì ba nghĩa này, cho đến lúc lâm chung, mười niệm thành tựu nhất định được vãng sinh.

Hỏi: Tịnh độ thắng diệu là Liên hoa tạng chỗ ở của chư Phật, chẳng phải là nơi của phàm phu. Theo lẽ thường phải là: phàm phu đi trên đất phàm phu, Thánh nhân dạo chơi ở cõi Thánh. Sao lại nói phàm phu được sinh về nơi tối kia?

Đáp: Nếu là phàm phu không được đi đến Tịnh độ. Thì đã là Pháp vương (Phật) vì sao được dạo đi trong đời ngũ trước. Tuy là đấng pháp vương, vì giáo hóa chúng sinh mà dạo đi nơi cõi ngũ trước. Cũng vậy, tuy là phàm phu, nhờ cúng dường Phật nên sinh Tịnh độ. Lại nữa, bốn mươi tám đại nguyện đầu tiên là vì tất cả phàm phu ngu tối, sau đó luôn Thánh nhân trong Tam thừa. Nên biết bốn ý của tông Tịnh độ là để độ chúng phàm phu và Thánh nhân. Lại có những bậc Thập giải trở đi, không sợ sinh ác đạo, nên không nguyện sinh về Tịnh độ. Nên biết bốn ý hưng khởi của Tịnh độ là vì hàng phàm phu chẳng phải vì Bồ-tát.

Hỏi: Người được gặp thiện duyên, dự vào chín phẩm vãng sinh, nhiều lần thấy ý nghĩa của văn tự (kinh điển) tâm sân hận không còn nếu có nhiều nghiệp ác không biết tu thiện, đọa vào ba đường ác hay là có phương tiện cứu vớt vong linh kia, trừ nghiệp chướng sinh về thế giới Cực lạc không?

Đáp: Chúng hữu tình ngu si khó thông được Thánh giáo đã được trình bày. Nên trong phẩm Quán đảnh chân ngôn thành tựu, quyển 28 (của) kinh Bất không la sách thân biến chân ngôn nói rằng: “Lúc bấy giờ tất cả quốc độ trong mười phương, tất cả Như Lai, Tỳ-lô-giá-na Như Lai v.v... trong ba đời cùng lúc đến cúi tay phải vô úy xoa lên đỉnh Minh vương Thanh tịnh liên hoa đồng nói: “Bất không đại quán đảnh quang chân ngôn rằng: Án hà mộ già phế, lô giả nã. Ma ha điền nại, la ma ni. Bát đầu ma Nhập phước la bá la miệt đả đả. Nếu có chúng sinh tùy theo chỗ được nghe Đại quán đảnh quang chân ngôn này mười bốn biến hay hai mươi một biến qua lỗi tai, liền trừ được tất cả tội chướng. Nếu các chúng sinh phạm thập ác, ngũ nghịch, tứ trọng giống như vi trần đầy khắp thế giới này, thân hoại mạng chung đọa vào các đường ác. Thì ta lấy chân ngôn này gia trì vào cát đất một trăm lẻ tám biến,

vào trong Thi đà lâm rải lên thi hài người chết, hoặc rải trên mộ v.v... Người chết ấy nếu ở trong địa ngục, ngạ quỷ, Tu-la, bàng sinh nhờ tất cả sức gia trì vào trong đất cát của Bất không Như Lai chân ngôn, Bất không Tỳ-lư-già-na chân ngôn, Bốn nguyện Đại quán đánh chân ngôn, đúng thời liền được thấy ánh sáng, thân trừ được các tội báo, xả thân chịu khổ, vãng sinh về nước Cực lạc ở phương Tây, từ hoa sen hóa sinh cho đến chứng Bồ-đề không còn đọa lạc. Những kinh văn này vẫn thường còn. Hối hận thay! Lỗi của mình tự tạo, quả khổ như hình theo bóng, thống khổ vô vàn, một mình chịu khổ, chịu ách nạn không ai cứu vớt. Như thế chẳng phải đồng thể đại Bi, bí thuật cứu khắp chúng sinh. Ai có thể xa mở khóa địa ngục bay lên đài hoa, tuy không có lý “Tha tác tự thọ” (người làm mình nhận) nhưng có sức duyên khởi khó nghĩ lường, chỉ biết nhờ gặp cát có chú nguyện tức có duyên, nếu không được rải cát có chú nguyện thì bàn gì đến kỳ thoát khổ. Ôi! Dù có lòng đại Bi bày tướng lưới rộng dài không khó nhưng nếu không làm, không tin, sau hối hận không kịp. Vì thế, người không tin thọ luống phụ ân sâu, khi quả báo đến, người có tạo hạnh thuận thì tiếp hồn về hoa sen. Người hiểu thuận chịu khổ sở, gặp chân ngôn kia khiến lìa khỏi không khó. Phàm một trăm quân tử ai không phụng hành? Rải cát trên mộ còn siêu việt Tam giới, hướng hồ chú nguyện vào áo quần mặc vào thân, lắng nghe âm thanh và tụng bài chú.